



**Tạp chí**

# **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY**

**P. ISSN 1859-4190**

**E. ISSN 2815-553X**



**SỐ ĐẶC BIỆT**

**KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG**

**Số 2 (90)**

**2025**

## MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	<b>Nguyễn Kế Nghĩa</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	8-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Xuân Trang</b> Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	<b>Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông</b> Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	<b>Nguyễn Tuấn Anh</b> Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền Oanh</b> Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	<b>Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	<b>Phan Thị Quỳnh Trang</b> Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	<b>Lại Thị Hiếu</b> Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Hữu Sơn</b> Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	<b>Trần Đăng Sinh<sup>1</sup>, Phùng Thị Lý<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Hội triết học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	<b>Nguyễn Duy Thái<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Hải Hà<sup>2</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>3</sup></b> <sup>1</sup> Tạp chí Xã hội học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>3</sup> Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	<b>Lê Quý Dương<sup>1*</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>2</sup>, Ngô Trung Thành<sup>3</sup>, Đinh Thị Thu Hằng<sup>3</sup>, Trần Thị Thu Thủy<sup>4</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) <sup>2</sup> Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam <sup>3</sup> Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam <sup>4</sup> Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	<b>Lưu Ngọc Trinh<sup>1*</sup>, Lê Đăng Minh<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	<b>Phạm Thị Hồng Hoa<sup>1</sup>, Lưu Ngọc Trinh<sup>2*</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Ngọc Mai</b> Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	<b>Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Hoàng Mai<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Mai<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu phát triển du lịch <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	<b>Trương Minh Hoài<sup>1*</sup>, Lê Thị Lại<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Đà Lạt <sup>2</sup> Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	<b>Lê Thị Thúy Hà</b> Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Thị Huệ</b> Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	<b>Ngô Thị Luyện</b> Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	<b>Hoàng Thị Hoa</b> Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	<b>Vũ Thị Hương</b> Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	<b>Vũ Thị Lý</b> Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	<b>Vũ Thị Thanh Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Minh Tuấn*</b> , <b>Phạm Thị Hồng Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	<b>Nguyễn Thị Huyền Trang*</b> , <b>Trần Trọng Đức</b> , <b>Lê Khánh Duyên</b> , <b>Nguyễn Tuấn Minh</b> , <b>Nguyễn Hữu Hoàng Phúc</b> , <b>Đinh Thị Hồng Thắm</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	<b>Đinh Thị Kim Thiết</b> Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	<b>Đậu Ngọc Linh</b> Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	<b>Hồ Thị Hà</b> Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	<b>Nguyễn Thị Minh Hiếu<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Huyền Trang<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II <sup>2</sup> Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	<b>Tạ Thị Năm</b> Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	<b>Nguyễn Thị Thuỳ Trinh</b> Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền</b> Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	<b>Đinh Mạnh Tuấn<sup>1*</sup>, Lê Thanh Thảo<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ <sup>2</sup> Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	<b>Nguyễn Thị Hồng</b> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	<b>Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	<b>Phí Văn Trọng*</b> , <b>Trần Thị Nam Thanh</b> Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	<b>Nguyễn Thị Huệ</b> Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	<b>Tiêu Thị Thu Ngân*</b> , <b>Nguyễn Phương Linh</b> , <b>Vũ Tuấn Nghĩa</b> Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	<b>Lương Thị Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	<b>Nguyễn Thị Quỳnh</b> Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	<b>Nguyễn Thị Lý</b> Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	<b>Trần Cương</b> , <b>Trần Thị Quý Chinh*</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	<b>Trần Thị Quý Chinh*</b> , <b>Trần Cương</b> , <b>Nguyễn Thị Mai Anh</b> , <b>Phạm Thị Hương Giang</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	<b>Phùng Đặng Diệp Chi</b> , <b>Nguyễn Khánh Ly</b> , <b>Nguyễn Thu Ngân</b> , <b>Phạm Thành Long*</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	<b>Nguyễn Văn Lộc</b> , <b>Nguyễn Văn Phương</b> , <b>Phạm Ngọc Hương Quỳnh*</b> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	<b>Nguyễn Minh Phương<sup>1</sup></b> , <b>Đào Thị Hà Anh<sup>2*</sup></b> , <b>Nguyễn Văn Lộc<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội <sup>2</sup> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	<b>Phạm Thanh Tùng</b> Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

# Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam

Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam

**Hoàng Thị Hoa**

Trường Đại Học Sao Đỏ

Email: [hoaoc87@gmail.com](mailto:hoaoc87@gmail.com)

Ngày nhận bài: 24/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 07/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

## Tóm tắt

Nền kinh tế số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu, làm thay đổi mạnh mẽ thị trường lao động và đòi hỏi những chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng nguồn nhân lực tại Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số và đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao khả năng thích ứng và cạnh tranh. Thông qua việc phân tích xu hướng thị trường lao động, hệ thống giáo dục và năng lực số, nghiên cứu làm rõ những khoảng trống và cơ hội phát triển nguồn nhân lực tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Nguồn nhân lực; kinh tế số; Việt Nam

## Abstract:

The digital economy is becoming an important driving force for global economic growth, dramatically changing the labor market and requiring appropriate human resource development strategies. This article focuses on analyzing the current state of human resources in Vietnam in the context of the digital economy and proposing strategic solutions to improve adaptability and competitiveness. Through analyzing labor market trends, the education system and digital capacity, the study clarifies the challenges and opportunities for human resource development in Vietnam.

**Keywords:** Human resources; digital economy; Vietnam

## 1. MỞ ĐẦU

### 1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra những thay đổi sâu rộng trong nền kinh tế toàn cầu, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của

nền kinh tế số. Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó khi Chính phủ đã đề ra nhiều chiến lược và chương trình hành động nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc. Theo Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030,

kinh tế số dự kiến sẽ chiếm khoảng 30% GDP vào năm 2030.

### 1.2. Tính cấp thiết của nghiên cứu

Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt, quyết định mức độ thành công của quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, thực tế cho thấy Việt Nam đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khoảng cách giữa yêu cầu thực tế của thị trường và chất lượng đào tạo hiện nay đang tạo ra những thách thức lớn cho quá trình phát triển kinh tế số.

### 1.3. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết nhằm phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế số tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng và số lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới.

### 1.4. Câu hỏi nghiên cứu

- Câu hỏi 1: Thực trạng phát triển nguồn nhân lực kinh tế số tại Việt Nam hiện nay ra sao?

- Câu hỏi 2: Những thách thức và cơ hội nào đối với việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế số?

- Câu hỏi 3: Những giải pháp nào có thể giúp Việt Nam thúc đẩy nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ xây dựng nền kinh tế số?

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Khái niệm kinh tế số

##### 2.1.1.1. Khái niệm kinh tế số

Hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về Kinh tế số. Kinh tế số tiếng Anh là *digital economy*, khái niệm này được hiểu

đơn giản là một nền kinh tế được vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt đó là các giao dịch điện tử trên internet. Theo nhóm cộng tác kinh tế số của Oxford, kinh tế số là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua internet”[1].

Ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Nội dung Quyết định đã xác định: Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông (CNTT-VT) để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế [2].

Như vậy về bản chất, kinh tế số có các mô hình và phương thức hoạt động đều được ứng dụng công nghệ số. Còn về mặt phạm vi, kinh tế số được áp dụng phổ cập rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, như: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng,...

#### 2.1.2. Lý thuyết phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là tổng thể số lượng và chất lượng con người với tổng hòa các tiêu chí về trí lực, thể lực và những phẩm chất đạo đức - tinh thần tạo nên năng lực mà bản thân con người và xã hội đã, đang và sẽ huy động vào quá trình lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.

Nhân lực số là lực lượng lao động kỹ thuật chuyên nghiệp, trực tiếp thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin

(CNTT), điện tử viễn thông, an toàn thông tin (ATTT) mạng để phục vụ hoạt động công nghệ số. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội hiện nay, nhân lực số là đối tượng được quan tâm và chú trọng bởi họ có các kỹ năng, kinh nghiệm và kiến thức về công nghệ, về an toàn, bảo mật thông tin.

Phát triển nguồn nhân lực số được hiểu là quá trình tăng lên về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực số để đáp ứng các yêu cầu do chuyển đổi số đặt ra. Các nội dung phát triển nguồn nhân lực số bao gồm [3]:

*Một là*, phát triển về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực số. Đây là bước quan trọng trong quá trình phát triển nguồn nhân lực số, bao gồm các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực, trình độ cao và phẩm chất tốt đáp ứng tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

*Hai là*, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số. Đối với khu vực nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức sẽ bảo đảm nguồn nhân lực của đơn vị có thể thích ứng và theo sát sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Ba là*, phát triển đội ngũ chuyên trách về chuyển đổi số bao gồm lực lượng phụ trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

## 2.2. Phương Pháp Nghiên Cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích SWOT để đánh giá thực trạng và xác định các giải pháp phát triển nguồn nhân lực thích ứng với nền kinh tế số tại Việt Nam. Phương pháp SWOT giúp phân tích các yếu tố nội bộ (điểm mạnh và điểm yếu) và các yếu tố bên ngoài (cơ hội và thách thức)

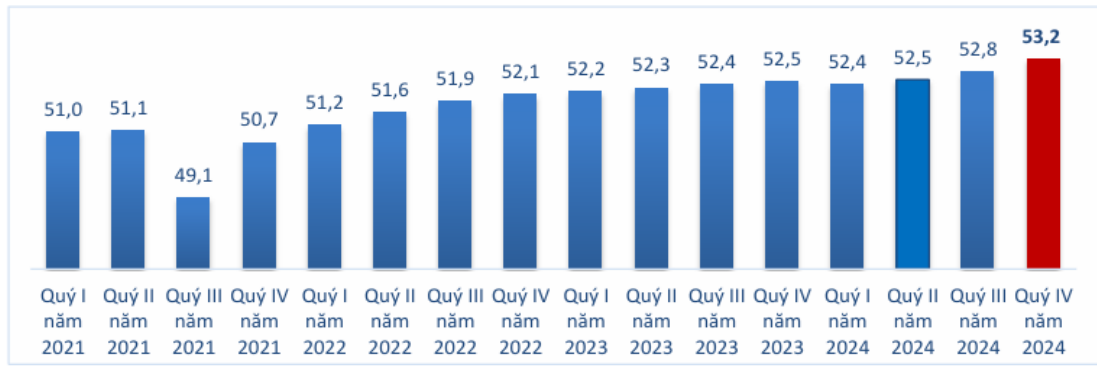
ảnh hưởng đến khả năng phát triển nguồn nhân lực. Thông qua phân tích này, bài viết đưa ra các chiến lược phù hợp nhằm tận dụng lợi thế và khắc phục hạn chế trong bối cảnh chuyển đổi số.

## 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam có nguồn lao động dồi dào. Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (Điều tra DSGK 2024), dân số Việt Nam thời điểm 01/4/2024 là 101.112.656 người. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-li-pin) và thứ 16 trên thế giới. Sau 5 năm, kể từ năm 2019 đến nay, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 4,9 triệu người. Đây là một lợi thế về số lượng nguồn nhân lực của Việt Nam [4].

Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với hai người trong độ tuổi lao động thì có một người phụ thuộc. Trong đó, tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi chiếm 67,4%, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi chiếm 23,3% và tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm 9,3%. Điều này rất thuận lợi cho việc tiếp thu khoa học, kỹ thuật và linh hoạt trong chuyển đổi nghề nghiệp [4].

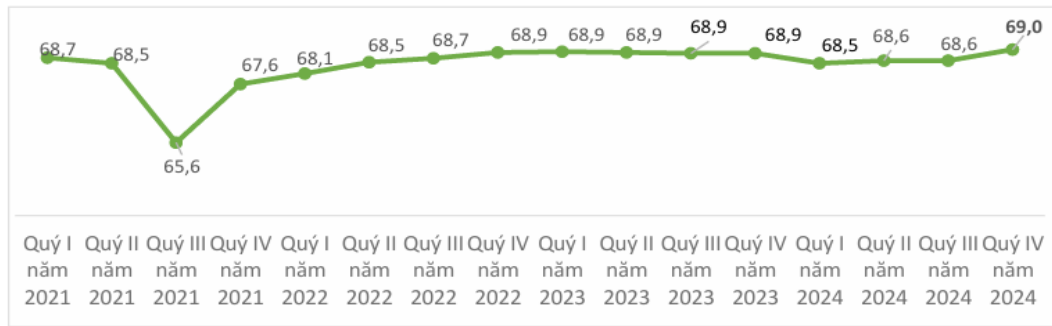
Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý IV năm 2024 là 53,2 triệu người, tăng 390,1 nghìn người so với quý trước và tăng 625,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 53,0 triệu người, tăng khoảng 575,4 nghìn người so với năm 2023 [4].



Hình 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (Triệu người)  
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý IV năm 2024 là 69,0%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chung cả năm 2024 là 68,9%, tương đương với năm 2023 [4].

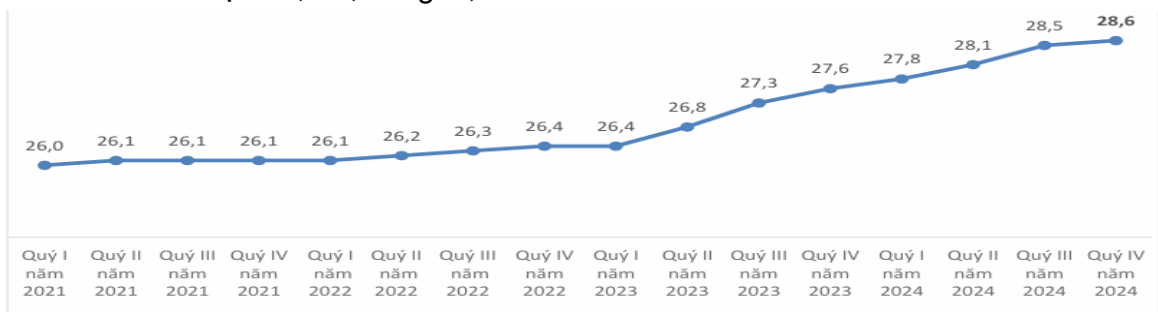


Hình 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý IV năm 2024 là 28,6%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2024, lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước tính đạt 28,3%, tăng 1,1

điểm phần trăm so với năm trước. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên, làm cho chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam không ngừng được cải thiện. Mặc dù tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên, nhưng tốc độ tăng rất chậm [4].



Hình 3: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)  
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bên cạnh những thay đổi về số lượng thì chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam cũng đã được cải thiện. Theo Ngân hàng Thế giới (WB, 2020), chỉ số vốn nhân lực (HCI) của Việt Nam đã tăng từ 0,66 lên 0,69 trong 10 năm 2010-2020. Chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam tiếp tục cao hơn mức trung bình của các nước có cùng mức thu nhập mặc dù mức chi tiêu công cho y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội thấp hơn. Việt Nam là một trong những nước ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương có điểm cao nhất về chỉ số vốn nhân lực (theo WB) [5]. Trong báo cáo “Phát triển con người (HDR) 2023/2024” của UNDP cho thấy giá trị HDI của Việt Nam năm 2022 là 0,726, đứng thứ 107/193 quốc gia và vùng lãnh thổ; tăng so 0,703 điểm vào năm 2021. Từ năm 1990 đến năm 2022, giá trị HDI của Việt Nam thay đổi từ 0,492 lên 0,726, tăng gần 50% [6]. Vào những năm 90 của thế kỷ trước, khi UNDP đưa ra HDI, Việt Nam ở vị trí tương đối thấp trong bảng xếp hạng, nhưng đến nay Việt Nam đang ở giữa bảng xếp hạng và liên tục tiến bộ trong 30 năm qua. Như vậy, Việt Nam nằm trong nhóm có mức phát triển con người cao.

Theo báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của WIPO, năm 2024 Việt Nam đứng thứ 44 toàn thế giới, tuy nhiên các chỉ số liên quan tới nguồn nhân lực trình độ cao nói chung đứng rất thấp (Tỉ lệ học đại học đứng thứ 78, tỉ trọng người tốt nghiệp các ngành khoa học và kỹ thuật đứng thứ 63, số nhân lực nghiên cứu trên dân số đứng thứ 59 và tỉ lệ việc làm có hàm lượng tri thức cao đứng thứ 109) [7].

Nhằm khẳng định tầm quan trọng của nguồn nhân lực số, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Văn bản này nhấn mạnh vai trò trung tâm của nguồn nhân lực số trong tiến trình chuyển đổi số và đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm phát triển đội ngũ này. Trong đó, trọng tâm là xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức và đào tạo kỹ năng liên quan đến chuyển đổi số, đặc biệt chú trọng phát triển Chính phủ số thông qua việc bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước. Chương trình đặt ra mục tiêu lựa chọn và đào tạo ít nhất 1.000 chuyên gia chuyển đổi số cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Những chuyên gia này không chỉ đóng vai trò tiên phong mà còn có trách nhiệm đào tạo lại đội ngũ cán bộ liên quan trong cơ quan, tổ chức của mình, từ đó hình thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc. Do vậy tất cả các bộ, ngành trung ương và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch và đề án chuyển đổi số riêng biệt cho giai đoạn 2021-2025. Điều này góp phần tạo nên một mạng lưới đồng bộ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực số đã có bước chuyển biến và đạt được kết quả đáng ghi nhận. Theo thống kê của Bộ

Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) năm 2024 có [8]:

- 165 trường đại học có đào tạo Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông và An toàn thông tin với tổng chỉ tiêu tuyển sinh trên 72 nghìn, là ngành học cấp bậc đại học có số chỉ tiêu tuyển sinh lớn nhất cả nước, chiếm tới 10% tổng số học sinh tốt nghiệp PTTH năm 2023. Tỷ lệ thực tuyển đào tạo đại học ngành CNTT, ĐTVT, ATTT cũng rất cao 84%. Hằng năm số lượng sinh viên thực tuyển ngành này hơn 61 nghìn sinh viên. Ngày 28/9/2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ra mắt Khoa Trí tuệ nhân tạo đào tạo chuyên sâu về AI đầu tiên tại Việt Nam với 160 sinh viên đầu vào. Sứ mệnh của khoa AI là đào tạo kỹ sư AI có chuyên môn sâu, rộng; có khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề và xây dựng phát triển các hệ thống AI mang lại giá trị thực tiễn.

- 1,8 triệu số lao động trong lĩnh vực CNCNS, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tập huấn nguồn nhân lực số được chú trọng và thực hiện tương đối hệ thống, toàn diện với các hình thức đào tạo đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Bộ TT&TT năm 2024 đã tổ chức:

- 622 Số lượt cán bộ chuyên trách an toàn thông tin trong các cơ quan, tổ chức nhà nước, doanh nghiệp được tham gia diễn tập thực chiến do Bộ TT&TT tổ chức.

- 231.480 Số học viên được đào tạo kiến thức an toàn thông tin cơ bản thông qua các khóa đào tạo do Bộ TT&TT tổ chức (1.480 học viên tham gia theo hình thức trực tiếp và 230.000 học viên tham gia theo hình thức online).

- 1.241.705 số lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

- 751.500 số lượt cán bộ học viên tham gia vào các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước do Bộ TT &TT trực tiếp tổ chức.

Tuy nhiên trong năm 2024, Việt Nam cần đến 500.000 lao động CNTT nhưng thị trường chỉ đáp ứng được khoảng 300.000 người. Trong đó, ngành CNTT vẫn nằm trong nhóm khát nhân lực trong 2024 và cả 2025, nhất là các ứng viên có kinh nghiệm 2 - 3 năm. Tuy nhiên, nguồn cung ứng viên chất lượng là thách thức lớn nhất trong thị trường tuyển dụng nhóm này. Hơn 55% doanh nghiệp cho rằng nguồn cung không hạn chế nhưng thiếu hụt nhân lực kỹ năng cao; gần 50% doanh nghiệp cho biết có sự cạnh tranh gay gắt từ các ông lớn công nghệ hoặc start-up nhờ chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc hấp dẫn; 37% doanh nghiệp lo ngại khó giữ chân nhân tài do họ có nhiều cơ hội việc làm [9]. Như vậy lao động đạt chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp lớn vẫn còn hạn chế dẫn đến chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang ở mức thấp trong bậc thang quốc tế, không đủ lao động có chuyên môn, tay nghề cao. Nhu cầu tuyển dụng trong ngành CNTT được dự đoán sẽ tiếp tục tăng cao trong những năm tới, nhất là ở các vị trí đòi hỏi chuyên môn cao như

kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên, lập trình viên.

Theo Kết luận 91-KL/TW của Bộ Chính trị “Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa thực sự gắn liền thị trường lao động, chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế mới, công nghệ cao” [10]. Như vậy, có sự chênh lệch lớn giữa chương trình đào tạo và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Chương trình giảng dạy tại nhiều cơ sở đào tạo chưa cập nhật kịp thời với xu hướng công nghệ mới, dẫn đến tình trạng sinh viên tốt nghiệp thiếu kỹ năng thực tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung chủ yếu tại khu vực thành thị như các thành phố lớn Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng, trong khi các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa thiếu hụt nghiêm trọng. Theo số liệu của tổng cục thống kê năm 2023: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo ở thành thị năm 2023 là 42%, ở nông thôn là 18.4% .

Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực số, nhưng việc triển khai vẫn còn chậm và thiếu đồng bộ. Môi trường làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ còn hạn chế trong việc thu hút và giữ chân nhân tài.

## 2.2. Phân tích mô hình SWOT

Từ thực trạng phát triển nguồn nhân lực kinh tế số tại Việt Nam nghiên cứu đưa ra mô hình SWOT như sau:

- Điểm Mạnh (Strengths - S):

+ Lực lượng lao động trẻ, năng động và dễ thích nghi với công nghệ mới.

+ Chi phí lao động cạnh tranh giúp thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ và dịch vụ số.

+ Chính phủ cam kết mạnh mẽ thúc đẩy chuyển đổi số với nhiều chính sách hỗ trợ.

+ Sự phổ biến của Internet và thiết bị số giúp triển khai các chương trình đào tạo trực tuyến dễ dàng.

- Điểm Yếu (Weaknesses - W):

+ Thiếu hụt kỹ năng chuyên môn sâu, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, phân tích dữ liệu và an ninh mạng.

+ Chương trình đào tạo chưa theo kịp xu hướng công nghệ và thực tiễn doanh nghiệp.

+ Thiếu tư duy sáng tạo và kỹ năng mềm trong lực lượng lao động.

+ Khoảng cách số giữa các vùng miền, đặc biệt ở nông thôn và vùng sâu vùng xa.

- Cơ Hội (Opportunities - O):

+ Chính sách hỗ trợ và xu hướng toàn cầu hóa thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực số.

+ Tăng trưởng mạnh mẽ của các ngành công nghệ như fintech, AI, blockchain tạo nhu cầu lớn về lao động chất lượng cao.

+ Xu hướng làm việc từ xa và kinh tế gig mở rộng cơ hội việc làm không giới hạn địa lý.

+ Sự xuất hiện của các nền tảng đào tạo trực tuyến miễn phí hoặc chi phí thấp giúp người lao động nâng cao kỹ năng nhanh chóng.

- Thách Thức (Threats - T):

+ Cạnh tranh quốc tế gay gắt về nguồn nhân lực công nghệ cao từ các nước như Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.

+ Tốc độ thay đổi công nghệ nhanh chóng làm gia tăng yêu cầu cập nhật kỹ năng liên tục.

+ Nguy cơ thất nghiệp do tự động hóa và sự phát triển mạnh mẽ của AI, robot.

+ Các mối đe dọa về an ninh mạng và quyền riêng tư trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ.

### **3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG XÂY DỰNG KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM**

#### **3.1. Một số giải pháp xuất phát từ mô hình SWOT**

Việc áp dụng các giải pháp dựa trên mô hình SWOT giúp định hướng rõ ràng trong việc phát triển nguồn nhân lực số. Các chương trình đào tạo có tính thực tiễn cao sẽ giúp người lao động thích nghi nhanh hơn với yêu cầu mới. Đồng thời, sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo là yếu tố quyết định sự thành công của các chiến lược phát triển.

##### **3.1.1. Chiến Lược SO (Phát Huy Điểm Mạnh và Cơ Hội)**

- Khai thác lực lượng lao động trẻ bằng cách mở rộng các chương trình đào tạo kỹ năng số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao như AI, Big Data và an ninh mạng.

- Tăng cường đầu tư vào các nền tảng đào tạo trực tuyến và chương trình học kết hợp (blended learning) để giúp người lao động tiếp cận kiến thức mới một cách linh hoạt và hiệu quả.

- Phát triển các chương trình khởi nghiệp công nghệ, hỗ trợ tài chính và tư vấn nhằm khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo trong giới trẻ.

##### **3.1.2. Chiến Lược WO (Khắc Phục Điểm Yếu và Tận Dụng Cơ Hội)**

- Xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, kết hợp lý thuyết và thực hành để nâng cao năng lực lao động.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế và trong nước giữa các trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao.

- Triển khai các dự án nâng cao kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian để hoàn thiện năng lực toàn diện cho người lao động.

##### **3.1.3. Chiến Lược ST (Phát Huy Điểm Mạnh để Giảm Thiểu Thách Thức)**

- Phát triển hệ thống đào tạo liên tục để giúp người lao động cập nhật kỹ năng theo xu hướng công nghệ, từ đó giảm nguy cơ thất nghiệp do tự động hóa.

- Đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin tại các vùng nông thôn nhằm thu hẹp khoảng cách số, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục và việc làm cho người lao động ở các khu vực này.

- Tăng cường đào tạo về an ninh mạng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân và doanh nghiệp.

##### **3.1.4. Chiến Lược WT (Giảm Thiểu Điểm Yếu và Hạn Chế Thách Thức)**

- Tăng cường chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo kỹ năng số, bao gồm ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính.

- Xây dựng hệ thống chứng chỉ kỹ năng số quốc gia nhằm chuẩn hóa năng lực lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và đánh giá năng lực.

- Phát triển các chương trình tái đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp giúp người lao động thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường lao động.

### 3.2. Một số giải pháp khác

- Đối với Chính phủ: Xây dựng chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kinh tế số dài hạn. Tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục và công nghệ. Khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo kỹ năng số.

- Đối với doanh nghiệp: Chủ động tham gia vào quá trình đào tạo thông qua các chương trình hợp tác với các cơ sở giáo dục. Đầu tư vào đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động hiện tại. Tạo môi trường làm việc hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân tài.

- Đối với cơ sở giáo dục và đào tạo: Cập nhật chương trình giảng dạy theo xu hướng công nghệ mới. Tăng cường thực hành và kết nối với doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tế. Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng mềm và tư duy sáng tạo bên cạnh kiến thức chuyên môn.

- Đối với người lao động và sinh viên: Chủ động học tập và nâng cao kỹ năng công nghệ mới. Tham gia các khóa đào tạo trực tuyến và các chương trình thực tập để tích lũy kinh nghiệm. Rèn luyện kỹ năng mềm như tư duy phản biện, làm việc nhóm và quản lý dự án.

### 4. KẾT LUẬN

Bài viết đã phân tích chi tiết thực trạng và thách thức trong việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ nền kinh tế số tại Việt Nam. Qua kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng

nguồn nhân lực hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế về kỹ năng chuyên môn và tư duy sáng tạo, trong khi nhu cầu của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng tăng. Việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế số là yêu cầu tất yếu để Việt Nam có thể cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ.

Phân tích SWOT đã chỉ ra rằng mặc dù Việt Nam sở hữu lực lượng lao động trẻ và năng động cùng với cam kết mạnh mẽ từ Chính phủ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số, nhưng vẫn còn nhiều thách thức lớn như thiếu hụt kỹ năng chuyên sâu và sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực công nghệ cao. Để khắc phục những điểm yếu này và tận dụng tốt các cơ hội, các giải pháp toàn diện và đồng bộ là điều cần thiết.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. <https://vietnambiz.vn/kinh-te-so-digital-economy-la-gi-hieu-them-ve-kinh-te-so-20200520092924294.htm>, ngày 20/05/2020

[2]. Thủ tướng chính phủ, *Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022, ban hành quyết định “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.

[3]. <https://tapchimattran.vn/nghien-cuu/phan-trien-nguon-nhan-luc-so-trong-tien-trinh-chuyen-doi-so-hien-nay-59584.html>, ngày 30 tháng 12 năm 2024

[4] Bộ kế hoạch đầu tư Tổng cục thống kê, ngày 06 tháng 1 năm 2025, *Thông cáo báo chí “Về tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2024”*.

[5]. Ngân hàng thế giới (WB), ngày 16 tháng 9 năm 2020, *“The Human Capital*

*Index 2020 Update: Human Capital in the Time of COVID-19*".

[6]. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Báo cáo Phát triển Con người (Human Development Report - HDR) 2023/2024 ngày 13 tháng 3 năm 2024 với tiêu đề "*Phá vỡ tình trạng bế tắc: Tái hình dung sự hợp tác trong một thế giới phân cực*".

[7]. Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), ngày 26 tháng 9 năm 2024 công bố

Báo cáo "*Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu 2024*" (*Global Innovation Index 2024*).

[8]. Bộ thông tin và truyền thông, năm 2024 phát hành "*Dấu ấn Ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024*".

[9]. Nền tảng tuyển dụng TopCV, ngày 11 tháng 12 năm 2024, báo cáo "*Xu hướng tuyển dụng 2024 – 2025*".

[10]. Bộ Chính trị, ngày 12 tháng 8 năm 2024, *Kết luận số 91-KL/TW*.

### **THÔNG TIN TÁC GIẢ:**

Hoàng Thị Hoa

Trường Đại học Sao Đỏ

Email: [hoaoc87@gmail.com](mailto:hoaoc87@gmail.com)

Điện thoại: 034 803 1457



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**Địa chỉ:**

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: [info@saodo.edu.vn](mailto:info@saodo.edu.vn)

**P. ISSN 1859-4190  
E. ISSN 2815-553X**

**Số 2 (90)**

**2025**

**Địa chỉ Tòa soạn:**

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.  
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.